TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN KIẾN AN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Ông Vũ Văn Lẫy

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Việt Anh - Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đô, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con được thụ lý số 306/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 636/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 822/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T; ĐKHK: Tổ 15, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú hiện nay: Thôn P, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tuấn S; nơi cư trú: Tổ 15, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tuấn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 23 tháng 5 năm 2013. Sau khi kết hôn, chị và anh Sơn về sống chung tại Tổ 15, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống,

vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không hạnh phúc. Nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống. Do mâu thuẫn vợ chồng, chị và anh Nguyễn Tuấn S đã nhiều lần ly thân. Chị và cháu Nguyễn Trà M về sống chung cùng gia đình chị ở thôn P, xã P, huyện T còn anh Nguyễn Tuấn S vẫn sống tại Kiến An. Mặc dù đã được gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng và trầm trọng, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn S.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Tuấn S có 01 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 25/11/2013. Chị là nhân viên công ty may YESVINA, thu nhập hàng tháng khoảng 9.200.000đ, có đủ điều kiện khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, chị nhận nuôi con đến khi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Anh Nguyễn Tuấn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng: Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử về cơ bản đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giải quyết cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn S.Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trà M cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc có quy định khác của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Tuấn S là bị đơn, hiện cư trú tại Tổ 15, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân quận Kiến An đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo về việc mở lại phiên tòa nhưng anh Nguyễn Tuấn S không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa nhiều lần không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tuấn S. Chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tuấn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B, quận K, thành phố Hải Phòng ngày 23 tháng 5 năm 2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ vào lời khai của chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tuấn S và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tuấn S trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hợp nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu này của chị Nguyễn Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình và thực tế vụ kiện, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tuấn S có 01 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2003, cháu hiện đang sống chung cùng với chị Nguyễn Thị T. Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Chị Nguyễn Thị T hiện là công nhân của công ty may YESVINA, thu nhập hàng tháng khoảng 9.200.000đ, có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Trà M cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Trà M và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An tại phiên tòa. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tuấn S.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trà M, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007481 ngày 31-12-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tuấn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND phường B, quận K, TP. Hải Phòng (ĐKHK ngày 23/5/2013);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thông